



LISTENING CHALLENGE

DAY 1

THỰC HÀNH LISTENING

Complete the notes below.

Write **ONE WORD AND/OR A NUMBER** for each answer.

Hinchingsbrooke Country Park

The park

- **Area:** 1 hectares
- **Habitats:** wetland, grassland and woodland
- **Wetland:** lakes, ponds and a 2
- **Wildlife:** includes birds, insects and animals

Subjects studied in educational visits include

- **Science:** Children look at 3 about plants, etc.
- **Geography:** includes learning to use a 4 and compass
- **History:** changes in land use
- **Leisure and tourism:** mostly concentrates on the park's 5
- **Music:** Children make 6 with natural materials, and experiment with rhythm and speed.

Benefits of outdoor educational visits

- They give children a feeling of 7 that they may not have elsewhere.
- Children learn new 8 and gain self-confidence.

Practical issues

- **Cost per child:** 9 £
- **Adults, such as** 10 , free



ĐÁP ÁN

Q1. 69 / sixty-nine

Q2. stream

Q3. data

Q4. map

Q5. visitors

Q6. sounds

Q7. freedom

Q8. skills

Q9. 4.95

Q10. leaders

DỊCH SONG NGỮ TRANSCRIPT

PART 1 – English Transcript	PART 1 – Dịch tiếng Việt
Good morning. Hinchingsbrooke Country Park, Sally speaking. I'm one of the rangers .	Chào buổi sáng. Đây là Công viên Hinchingsbrooke, tôi là Sally. Tôi là một trong những nhân viên kiểm lâm .
Oh hello. My name's John Chapman, and I'm a teaching assistant at a local primary school. I've been asked to arrange a visit to the park for two of our classes.	À xin chào. Tôi tên là John Chapman, và tôi là trợ giảng tại một trường tiểu học địa phương. Tôi được yêu cầu sắp xếp một chuyến tham quan công viên cho hai lớp học của chúng tôi.
OK. What would you like to know?	Được rồi. Anh muốn biết điều gì?
Well, I'm new to this area, so perhaps you could tell me something about the park first, please.	Vâng, tôi mới chuyển đến khu vực này, vì vậy có lẽ cô có thể cho tôi biết một chút thông tin về công viên trước được không?
Of course. Altogether the park covers 170 acres – that's 69 hectares . There are three main types	Dĩ nhiên rồi. Tổng cộng công viên rộng 170 mẫu Anh – tức là 69 hecta . Có ba loại môi trường sống chính: đất ngập

of habitat : wetland , grassland and woodland . The woods are well established and varied , with an oak plantation and other areas of mixed species .	nước, đồng cỏ và rừng cây. Các khu rừng đã phát triển ổn định và đa dạng , với một khu rừng trồng cây sồi và những khu vực khác có nhều loài cây khác nhau .
Right.	Vâng.
The wetland is quite varied, too. The original farmland was dug up around 40 years ago to extract gravel . Once this work was completed , the gravel pits filled with water , forming two large lakes . There are also several smaller ones , ponds and a stream that flows through the park.	Khu đất ngập nước cũng khá đa dạng. Đất nông nghiệp ban đầu đã bị đào lên khoảng 40 năm trước để khai thác sỏi . Khi công việc này hoàn tất , các hố khai thác sỏi bị ngập nước , hình thành hai hồ lớn . Ngoài ra còn có một số hồ nhỏ , ao và một con suối chảy xuyên qua công viên.
OK, so I suppose with these different habitats there's quite a variety of wildlife .	Vậy thì tôi đoán là với các môi trường sống khác nhau như vậy, chắc hẳn sẽ có sự đa dạng về động vật hoang dã .
There certainly is – a lot of different species of birds and insects , and also animals like deer and rabbits .	Đúng vậy – có rất nhiều loài chim và côn trùng khác nhau, cũng như các loài động vật như hươu và thỏ .
And I understand you organise educational visits for school parties.	Và tôi được biết là các bạn tổ chức các chuyến tham quan mang tính giáo dục cho các đoàn học sinh.
That's right. We can organise a wide range of activities and adapt them to suit all ages .	Đúng vậy. Chúng tôi có thể tổ chức một loạt các hoạt động đa dạng và điều chỉnh chúng để phù hợp với mọi lứa tuổi .
Can you give me some examples of the activities?	Cô có thể cho tôi một vài ví dụ về các hoạt động không?
Well, one focus is on science , where we help children to discover and study plants, trees and insects. They also collect and analyse data about the things they see.	Vâng, một trọng tâm là khoa học , nơi chúng tôi giúp trẻ em khám phá và ngiên cứu cây cối, thực vật và côn trùng. Các em cũng thu thập và phân tích dữ liệu về những gì các em quan sát được.
Uh-huh.	Ừm.
Another focus is on geography . The park is a great environment to learn and practise reading a map and using a compass to navigate around the park.	Một trọng tâm khác là địa lý . Công viên là một môi trường rất lý tưởng để học và luyện đọc bản đồ cũng như sử dụng la

	bàn để định hướng di chuyển trong công viên.
Do you do anything connected with history ?	Các bạn có làm hoạt động nào liên quan đến lịch sử không?
Yes, we do. For instance, the children can explore how the use of the land has changed over time . Then there's leisure and tourism .	Có chứ. Ví dụ, trẻ em có thể tìm hiểu cách việc sử dụng đất đã thay đổi theo thời gian . Ngoài ra còn có chủ đề giải trí và du lịch .
That focuses on your visitors , I would imagine.	Tôi đoán là nội dung đó sẽ tập trung vào du khách , đúng không?
Yes, mostly. The children find out about them, their requirements , the problems they may cause and how we manage these. And another subject we cover is music : here the children experiment with natural materials to create sounds and explore rhythm and tempo .	Đúng vậy, chủ yếu là như thế. Trẻ em sẽ tìm hiểu về du khách, nhu cầu của họ, những vấn đề họ có thể gây ra và cách chúng tôi quản lý những vấn đề đó. Một môn học khác mà chúng tôi đề cập là âm nhạc : tại đây, các em thử nghiệm với các vật liệu tự nhiên để tạo ra âm thanh và khám phá nhịp điệu và tiết tấu .
That must be fun!	Nghe chắc hẳn là rất vui!
Most children really enjoy it.	Hầu hết trẻ em đều thực sự rất thích.
And of course all the activities are educational too. Learning outside the classroom encourages children to be creative , and to explore and discover for themselves.	Và tất nhiên, tất cả các hoạt động đều mang tính giáo dục . Việc học ngoài lớp học khuyến khích trẻ em sáng tạo , cũng như tự khám phá và tìm hiểu mọi thứ.
I would imagine they get a sense of freedom that might not be a normal part of their lives.	Tôi nghĩ là các em sẽ có được cảm giác tự do , điều mà có thể không thường xuyên có trong cuộc sống hằng ngày của các em.
That's right. And very often the children discover that they can do things they didn't know they could do , and they develop new skills . This gives them greater self-confidence .	Đúng vậy. Và rất thường xuyên, trẻ em khám phá ra rằng các em có thể làm được những điều mà trước đây các em không biết là mình làm được , đồng thời phát triển những kỹ năng mới . Điều này mang lại cho các em sự tự tin lớn hơn.
It sounds great. So, what about the practical side of it? How much does it cost for a full-day visit ? We would expect to bring between 30 and 40 children .	Nghe thật tuyệt. Vậy còn về mặt thực tế thì sao? Chi phí cho một chuyến tham quan cả ngày là bao nhiêu? Chúng tôi dự kiến sẽ đưa khoảng 30 đến 40 học sinh .
If there are over 30 , it costs £4.95 for each child who attends on the day. We invoice you afterwards , so you don't pay for children who	Nếu có trên 30 học sinh , chi phí là £4.95 cho mỗi em tham gia trong ngày hôm đó. Chúng tôi sẽ xuất hóa đơn sau , vì vậy anh

can't come because of sickness , for example. There's no charge for leaders and other adults – as many as you want to bring.	không phải trả tiền cho những học sinh không thể tham gia do ốm đau , chẳng hạn. Không thu phí đối với giáo viên và người lớn đi kèm – anh có thể đưa bao nhiêu người cũng được.
That sounds very fair . Well, thanks for all the information. I'll need to discuss it with my colleagues, and I hope to get back to you soon to make a booking.	Nghe thật hợp lý . Cảm ơn cô rất nhiều vì tất cả những thông tin này. Tôi sẽ cần trao đổi lại với các đồng nghiệp, và hy vọng sẽ sớm liên hệ lại để đặt lịch.
We'll look forward to hearing from you. Goodbye	Chúng tôi chờ tin bạn. Bye.

VOCABULARY LIST

Từ / Cụm / Cấu trúc	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
ranger	n	nhân viên kiểm lâm	park officer	-
teaching assistant	n	trợ giảng	classroom aide	-
arrange a visit	v phr	sắp xếp một chuyến tham quan	organise	cancel
cover (an area)	v	bao phủ, có diện tích là	span	-
acre	n	mẫu Anh (đơn vị đo diện tích)	-	-
hectare	n	hecta	-	-
habitat	n	môi trường sống	environment	-
wetland	n	vùng đất ngập nước	marsh	dry land
grassland	n	đồng cỏ	pasture	-
woodland	n	rừng cây	forest	-
well established	adj	phát triển ổn định, lâu đời	firmly set	-
varied	adj	đa dạng	diverse	uniform
oak plantation	n	rừng trồng cây sồi	-	-
mixed species	n phr	nhiều loài khác nhau	biodiversity	-
dug up	v	đào lên	excavated	bury
extract gravel	v phr	khai thác sỏi	mine	-
gravel pit	n	hố / mỏ khai thác sỏi	quarry	-
filled with water	v phr	bị ngập nước	flooded	drained
pond	n	ao nhỏ	small lake	-

stream	n	suối	brook	-
flow through	v phr	chảy xuyên qua	pass through	-
variety of wildlife	n phr	sự đa dạng động vật hoang dã	biodiversity	-
species	n	loài	type	-
organise educational visits	v phr	tổ chức chuyến tham quan giáo dục	arrange school trips	-
range of activities	n phr	loạt hoạt động	variety	-
adapt (to)	v	điều chỉnh cho phù hợp	adjust	-
suit all ages	v phr	phù hợp mọi lứa tuổi	be suitable for	-
focus on	v phr	tập trung vào	concentrate on	-
collect and analyse data	v phr	thu thập và phân tích dữ liệu	examine information	-
practise reading a map	v phr	luyện đọc bản đồ	map-reading practice	-
use a compass	v phr	sử dụng la bàn	navigate	-
navigate	v	định hướng, di chuyển	find one's way	-
land use	n	việc sử dụng đất	-	-
change over time	phr	thay đổi theo thời gian	evolve	-
leisure and tourism	n	giải trí và du lịch	recreation	-
requirements	n	nhu cầu	needs	-
cause problems	v phr	gây ra vấn đề	create issues	solve
manage (problems)	v	quản lý, xử lý	handle	ignore
experiment with	v phr	thử nghiệm với	test	-
natural materials	n	vật liệu tự nhiên	raw materials	-
rhythm	n	nhịp điệu	beat	-
tempo	n	tiết tấu	pace	-
sense of freedom	n phr	cảm giác tự do	independence	restriction
develop new skills	v phr	phát triển kỹ năng mới	gain abilities	-
self-confidence	n	sự tự tin	self-belief	insecurity
practical side	n phr	khía cạnh thực tế	logistics	-
full-day visit	n phr	chuyến tham quan cả ngày	day trip	-
invoice afterwards	v phr	xuất hóa đơn sau	bill later	-
no charge for	phr	không thu phí đối với	free of charge	-